TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/DS-PT
Ngày 29/02/2024
V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Hương và ông Ma Ngọc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thu Thảo - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2023/TLPT - DS, ngày 09 tháng 11 năm 2023, về việc "*Tranh chấp chia di sản thừa kế*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST, ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2024/QĐ-PT, ngày 08 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Ngọc V**, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Số nhà 188, đường Đ, tổ 09, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Ngọc V là: ông Đàm Quốc C - Luật sư Công ty luật TNHH Quốc Cường, thuộc đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang; Địa chỉ: Khu dân cư Lý Nam Đế, tổ 17, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Tổ 08, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Ngô Quang Đ, sinh năm 1982, Địa chỉ: Tổ dân phố Th, thị trấn S, huyện D, tỉnh Tuyên Quang và ông Giàng Mí L, sinh năm 1999, địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang - Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1950, địa chỉ: Số nhà 30, tổ 08, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

- Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1954, địa chỉ: Tổ 09, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Ngọc Y**, sinh năm 1954, địa chỉ: Số nhà 03, tổ 01, phường Q, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

- Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1962, địa chỉ: Số nhà 64, tổ 08, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1964, địa chỉ: Số nhà 208, tổ 09, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

- Bà **Nguyễn Thị I**, sinh năm 1966, địa chỉ: Số nhà 220, tổ 08, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

- Bà **Nguyễn Thị U**, sinh năm 1968, địa chỉ: Số nhà 34, tổ 15, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

- Anh **Nguyễn Thành Tr**, sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ 08, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1955.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V trình bày như sau:

Cụ Nguyễn Văn Gi và cụ Nguyễn Thị D, sinh được 9 người con là Nguyễn Văn S, sinh năm 1949; Nguyễn Thị T, sinh năm 1950; Nguyễn Văn N, sinh năm 1952; Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1954; Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1955; Nguyễn Thị G, sinh năm 1962; Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; Nguyễn Thị I, sinh năm 1966; Nguyễn Thị U, sinh năm 1968. Khi còn sống cụ Gi và cụ D có được giao đất ruộng, quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 039982 vào sổ cấp giấy số 288/QSDĐ/HT do UBND thị xã T cấp ngày 03/8/2003 đứng tên người sử dụng Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn S. Khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông S đã kê khai cả phần diện tích đất của cụ Gi và cụ D. Sau đó các anh chị em ruột của ông V và ông V họp gia đình cùng với mẹ đẻ là cụ D, các thành viên trong gia đình đã thoả thuận do việc cấp giấy chứng nhận đã xong rồi nên để ông S và bà L tiếp tục được sử dụng toàn bộ diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận, trong đó bao gồm cả diện tích đất của cụ Gi và cụ D. Nhưng khi nào có việc thu hồi đất thì khoản tiền bồi thường đất thu hồi do các cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức, đơn vị thực hiện sẽ được chia thành 04 phần rưỡi, trong đó ông S và bà L sẽ được hưởng 2 phần rưỡi, còn lại 02 phần là của cụ Gi và cụ D, việc thỏa thuận có lập biên bản họp gia đình ngày 17/3/2014. Nay các anh chị em ruột của ông V và ông V không thống nhất được việc chia tiền và nhận tiền bồi thường đất nên đề nghị Toà án giải quyết chia kỷ phần như đã thoả thuận, riêng đối với kỷ phần của cụ Gi và cụ D thì sẽ chia đều cho các người con đẻ của cụ Gi và cụ D. Số tiền bồi thường đất khoảng 360.000.000 đồng (*ba trăm sáu mươi triệu đồng*), ông V đề nghị Tòa án giải quyết chia cho ông S được hưởng 217.700.000 đồng (*hai trăm mười bẩy triệu, bẩy trăm nghìn đồng*); các anh chị em còn lại mỗi người được 17.700.000 đồng (*mười bẩy triệu, bẩy trăm nghìn đồng*).

Còn cụ thể số tiền bao nhiêu đề nghị phía bị đơn cung cấp thông tin chính xác để các bên cùng thoả thuận.

* Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Ngô Quang Đ trình bày: Về diện tích đất mà ông Nguyễn Văn S đang sử dụng hiện nay có diện tích đất đang bị thu hồi và được nhận tiền bồi thường đất nhưng chưa nắm được cụ thể do đơn vị nào bồi thường cho ông S đồng thời cũng chưa nắm được số tiền cụ thể là bao nhiêu. Tuy nhiên, trên thực tế diện tích đất có liên quan đến số tiền bồi thường tranh chấp trong vụ án ông S và bà L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trừ khi có các tài liệu chứng cứ khác chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông V là có căn cứ. Bị đơn không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì lý do chữ ký ghi tên Nguyễn Văn S trong Biên bản họp gia đình ngày 17/3/2014 không phải là chữ ký của ông Nguyễn Văn S.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Ngọc Y, bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị I, bà Nguyễn Thị U đều có cùng quan điểm, nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc V.

- Tòa án đã tiến hành hòa giải các đương sự không thống nhất được nội dung giải quyết vụ án, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc chia tiền bồi thường đất theo như nội dung trong biên bản họp gia đình 17/3/2014. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không nhất trí yêu cầu khởi kiện vì cho rằng ông Nguyễn Văn S không ký vào biên bản họp gia đình.

- Tòa án yêu cầu ông Nguyễn Ngọc V cung cấp bản chính biên bản họp gia đình ngày 17/3/2014 nhưng ông Nguyễn Ngọc V không cung cấp được; Tòa án tiến hành khai thác hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 039982, do UBND thị xã T cấp ngày 03/8/2003 đứng tên người sử dụng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L, tại biên bản làm việc Phòng Tài nguyên môi trường thành phố T xác định việc tra cứu hồ sơ lưu trữ không có kết quả.

- Ngày 19/5/2023, Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành làm việc với ông Nguyễn Văn E là Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư thương mại xây dựng P, tại buổi làm việc ông Nguyễn Văn E cung cấp thông tin như sau: Căn cứ văn bản số 4088/UBND- KT ngày 06/10/2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc chấp thuận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án cửa hàng xăng dầu, trạm sạc điện nhanh Phú Thành số 2 và tổ hợp dịch vụ thương mại. Công ty TNHH Đầu tư thương mại xây dựng P thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp với các hộ dân có diện tích đất nông nghiệp trong phạm vi thực hiện dự án trong đó có thửa đất số 7 tờ bản đồ số 21, địa chỉ thửa đất thuộc tổ dân phố 8 phường H, thành phố T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn S, diện tích đất công ty dự kiến sẽ thoả thuận nhận chuyển nhượng với gia đình ông Nguyễn Văn S là 958,0m^2, tiền đền bù được hưởng đơn giá 333.500 đồng/m^2 = 319.493.000 đồng (*ba*

trăm mười chín triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng). Công ty chưa làm việc trực tiếp với gia đình ông Nguyễn Văn S. Khoảng cuối năm 2022 công ty có được UBND phường H mời đến dự buổi hoà giải tranh chấp của gia đình ông S, qua cuộc họp xác định được gia đình ông Nguyễn Văn S có tranh chấp đối với khoản tiền nhận đền bù đất nên Công ty chưa thực hiện việc thoả thuận chuyển nhượng đất và trả tiền đất với gia đình ông S. Về việc trả tiền đền bù đất cho gia đình ông Nguyễn Văn S đến nay Công ty chưa thực hiện và phải chờ đến khi nào gia đình ông S giải quyết xong tranh chấp thì Công ty mới thực hiện việc thoả thuận và chi trả theo quy định. Công ty đã cung cấp cho Toà án các tài liệu sau: Văn bản số 4088/UBND- KT ngày 06/10/2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc chấp thuận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án cửa hàng xăng dầu, trạm sạc điện nhanh Phú Thành số 2 và tổ hợp dịch vụ thương mại (bản sao); Danh sách thực hiện dự án do Trung kỹ thuật Tài nguyên môi trường thuộc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang ban hành (bản sao).

Theo Danh sách thực hiện dự án do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang ban hành thì thửa đất thu hồi đối với ông Nguyễn Văn S là thửa số 23, tổng diện tích là 958,0m^2 (đất trồng lúa); địa chỉ thửa đất thuộc tổ dân phố 8, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - anh Nguyễn Thành Tr không tham gia tố tụng, tại bản tự khai anh Nguyễn Thành Tr không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L là hợp pháp, nay anh Tr nhận cho tặng, thừa kế lại là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST, ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 93, 94, 95, 96 147, 184, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc V, về việc chia thừa kế đối với khoản tiền sẽ được bồi thường diện tích đất ruộng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 039982, vào sổ cấp giấy số 288/QSDĐ/HT do UBND thị xã T cấp ngày 03/8/2003 đứng tên người sử dụng là Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn S.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/6/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V kháng cáo toàn bộ bản án số 52/2023/DS-ST ngày 29/6/2023 của Toà án nhân dân thành phố T, với lý do tại biên

bản hoà giải của phường H ngày 23/4/2014 ông Nguyễn Văn S đã đồng ý trả lại cho bà D (mẹ đẻ) 02 sào đất lúa khu vực Cây Thau, khu vực Hồ thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 21, thửa số 586, tờ bản đồ số 14 và 01 sào đất màu thuộc thửa số 274, tờ bản đồ số 28.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo ông Nguyễn Ngọc V thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử Huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 29/6/2023 của Toà án nhân dân thành phố T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Ngọc V, luật sư ông Đàm Quốc C đề nghị Hội đồng xét xử Huỷ bản án sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 29/6/2023 của Toà án nhân dân thành phố T.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Ngọc Sinh đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 29/6/2023 của Toà án nhân dân thành phố T.

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T; ông Nguyễn Ngọc Y; bà Nguyễn Thị G; bà Nguyễn Thị H; bà Nguyễn Thị I; bà Nguyễn Thị U đều nhất trí ý kiến của ông V huỷ bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V là hợp lệ trong hạn luật định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và ý kiến của Luật sư người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 29/6/2023 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, về việc "*Tranh chấp chia di sản thừa kế".* Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T điều tra, xác minh, giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 30/6/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V kháng cáo toàn bộ bản án số 52/2023/DS-ST ngày 29/6/2023 của Toà án nhân dân thành phố

T. Đơn kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên đơn kháng cáo hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Thành Tr vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy Toà án xét xử vắng mặt ông N và anh Tr theo quy định khoản 3, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc V, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với quan hệ tranh chấp chia di sản thừa kế giữa nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V với bị đơn ông Nguyễn Văn S có nguồn gốc đất là của cụ Nguyễn Văn Gi và cụ Nguyễn Thị D được Hợp tác xã nông nghiệp xã Hg chia đất cho cụ Gi và cụ D cấy lúa và làm hoa màu. Năm 2003 Hợp tác xã nông nghiệp xã Hg làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân, trong đó có vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L đã kê khai số diện tích đất của bố mẹ (cụ Nguyễn Văn Gi và cụ Nguyễn Thị D) gộp vào đất của ông S bà L, do vậy toàn bộ diện tích đất của cụ Gi và cụ D đã được cấp vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S và bà L, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 288 QSDĐ/HT ngày 03/8/2003, tại tổ 15, xã Hg, thị xã T, tỉnh Tuyên Quang, diện tích 5.713 m^2. Gồm có 06 thửa đất, trong đó thửa số 7, tờ bản đồ 21 diện tích 2.305 m^2; thửa số 586, tờ bản đồ 14 diện tích 1551 m^2; thửa số 478, tờ bản đồ 22 diện tích 306 m^2; thửa số 477, tờ bản đồ 14 diện tích 465 m^2; thửa số 511, tờ bản đồ 22 diện tích 700 m^2; thửa số 274, tờ bản đồ 28 diện tích 384 m^2, tất các các thửa đất nêu trên thời hạn sử dụng đến tháng 7 năm 2023 mà chưa được sự nhất trí của người được cấp đất. Sau khi phát hiện việc vợ chồng ông S đã kê khai đất của cụ Gi và cụ D để cấp giấy CNQSD đất, ngày 17/3/2014 cụ D và các con của cụ D đã lập biên bản họp gia đình nhất trí cho vợ chồng ông S bà L tiếp tục được sử dụng diện tích đất đã được cấp trong GCNQSD đất. Nhưng khi nào nhà nước thu hồi đất hoặc bồi thường đất bất cứ diện tích đất nào trong GCNQSD đất của vợ chồng ông S bà L thì chia theo định suất. Đến ngày 23/4/2014 Uỷ ban nhân dân phường H, thành phố T đã lập biên bản hoà giải giải quyết tranh chấp đất giữa cụ Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn N với gia đình ông Nguyễn Văn S. Ông S đã nhất trí trả lại cho bà D (mẹ đẻ của ông S) 02 sào đất lúa, 01 sào đất màu, trong đó 01 sào đất lúa tại khu vức Cây Thau, 01 sào ở khu vực hồ, thửa số 7 tờ bản đồ 21 và thửa số 586, tờ bản đồ số 14; đất màu thửa số 274, tờ bản đồ số 28, diện tích 384 m^2; ông S trả cho ông N (em trai) mảnh đất màu thửa số 477, tờ bản đồ số 14, diện tích 465 m^2, biên bản hoà giải có xác nhận của chính quyền địa phương. Đến ngày 05/5/2014 UBND phường H đã có Thông báo về việc hoà giải thành trong lĩnh vực đất đai số 12/UBND -TB, thông báo cho cụ D, ông S, ông N biết thực hiện. Nhưng gia đình ông S không thực hiện theo Thông báo hoà giải thành số 12 ngày 05/5/2014 của UBND phường H.

Nên ông Nguyễn Ngọc V đã khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết chia như biên bản họp gia đình, quá trình Toà án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết xác định quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V với bị đơn ông Nguyễn Văn S

là quan hệ tranh chấp về chia thừa kế. Đối với nguyên đơn khi hoà giải và tại phiên toà yêu cầu Toà án chia số tiền khi thu hồi đất trong giấy CNQSD đất của ông S, nhưng cấp sơ thẩm không yêu cầu các đương sự viết bản tự khai hoặc ghi lời khai của đương sự, không xác minh thu thập chứng cứ để làm rõ nguồn gốc di sản mà đương sự tranh chấp, không tiến hành xem xét thẩm định và định giá tài sản. Mà cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu của Công ty TNHH Đầu tư thương mại xây dựng P để nhận định danh sách thực hiện dự án thu hồi đất của ông S là thửa đất số 23 (không nằm trong giấy CNQSD đất của ông S bà L) từ đó tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S là không có căn cứ.

Tại phiên toà phúc thẩm ông Nguyễn Ngọc V cung cấp tài liệu, chứng cứ mới: Thông báo hoà giải thành số 12 ngày 05/5/2014 của UBND phường H và biên bản hoà giải giải quyết tranh chấp đất giữa cụ Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn N với gia đình ông Nguyễn Văn S, ngày 23/4/1014 của Uỷ ban nhân dân phường H, thành phố T. Những chứng cứ, tài liệu nên trên chưa được xem xét, giải quyết theo trình tự sơ thẩm. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm như ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang trình bày tại phiên toà là có căn cứ.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Ngọc V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng khác được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V. Huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế". Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang điều tra, xác minh, giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/02/2024).

Chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Văn phòng TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Đức Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hương - Ma Ngọc Trung **Nguyễn Đức Nam**